

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÌNH LẬP
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST

Ngày 04-4-2024

V/v tranh chấp nghĩa vụ trả tiền công
chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi là gia súc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thúy Liêm

Bà Lộc Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Đức Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp nghĩa vụ trả tiền công chăm sóc nuôi dưỡng vật nuôi là gia súc, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS, ngày 12/3/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS, ngày 28/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Bé Thị T, sinh năm 1951, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bé Thị T: Ông Phạm Duy K, địa chỉ: Số * Trần Đăng N, H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền ngày 23/11/2023), vắng mặt.

2. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1986, cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn H: Ông Phạm Duy K, địa chỉ: Số * Trần Đăng N, H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền ngày 09/10/2023), vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nông Văn M, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bé Thị T trình bày:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập và Bản án phúc thẩm số 40/DS-PT ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã giải quyết tranh chấp con trâu theo đó ông Nông Văn M được quyền sở hữu con trâu có tranh chấp. Bà Bé Thị T là người trực tiếp chăm sóc, quản lý trâu từ trước khi xảy ra tranh chấp nên bà Bé Thị T yêu cầu tiền công chăm sóc, quản lý trâu thời gian qua như sau: Xác định công chăm sóc, quản lý trâu từ tháng 01/2022 đến ngày Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngày 07/8/2023, tổng thời gian là 01 năm 7 tháng tương đương với 584 ngày. Căn cứ Điều 3 Nghị định 38/2022/NĐ-CP quy định về mức lương tối thiểu vùng. Các địa bàn tỉnh Lạng Sơn hiện nay đang được áp dụng mức lương tối thiểu vùng cụ thể đối với huyện Đình Lập là 3.250.000 đồng/tháng, tương đương với 15.600 đồng/giờ, tham khảo quy định của pháp luật cùng một số án lệ thì đối với công chăn dắt, nuôi dưỡng trâu bò ở mức 35.000 đồng/ngày là phù hợp. Thời gian bà Bé Thị T chăn dắt, nuôi dưỡng trâu tranh chấp là 01 năm 7 tháng tương đương với 584 ngày, tương ứng với số tiền công là: 584 ngày x 35.000 đồng = 20.440.000 đồng. Bà Bé T Tài yêu cầu ông Nông Văn M phải thanh toán tiền công chăn dắt, quản lý con trâu với số tiền tính đến hết ngày 07/8/2023 là 20.440.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn H và người đại diện hợp pháp là ông Phạm Duy K trình bày: Ông Hoàng Văn H là người phụ giúp bà Bé Thị T chăm sóc, quản lý trâu từ khi xảy ra tranh chấp nên ông Hoàng Văn H yêu cầu ông Nông Văn M phải trả tiền công chăn dắt, quản lý con trâu với số tiền công tính đến hết ngày 07/8/2023 là 5.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nông Văn M trình bày: Ông Nông Văn M có đàn trâu có tổng cộng 14 con, trong đó có 01 con đực trưởng thành, 07 con cái trưởng thành và 06 con nghé. Mỗi năm chăn thả ở một khu vực khác nhau như K và L cùng thuộc Thôn M, xã B, huyện Đ; S (X) thuộc Thôn T, xã B, huyện Đ. Khoảng tháng 6, tháng 7 năm 2021 con trâu đực trưởng thành húc nhau với con trâu của người khác và tách khỏi đàn đi theo đàn trâu của ông Chu Văn T; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Từ đó con trâu thường xuyên đi cùng đàn trâu của ông Chu Văn T không đuổi về cùng đàn được nên ông Nông Văn M vẫn thường xuyên đi kiểm tra và gọi điện cho ông Chu Văn T để hỏi về tình hình con trâu. Ngày 11/02/2022 ông Chu Văn T có gọi điện thông báo cho ông Nông Văn M với nội dung là có con trâu đực khác đang đi cùng đàn trâu của ông Chu Văn T và bảo ông Nông Văn M đến kiểm tra. Khi đến nơi thì ông Nông Văn M thấy con trâu đực đi cùng đàn trâu ông Chu Văn T

không phải con trâu đực của ông nên đã hỏi ông Chu Văn T là “con trâu trước đây đi theo đàn trâu của anh ở đâu”, đồng thời ông Nông Văn M cung cấp cho ông Chu Văn T xem ảnh con trâu ông Nông Văn M chụp trên điện thoại thì ông Chu Văn T thông tin cho Nông Văn M biết, con trâu đực trước đây đi theo đàn trâu ông Chu Văn T hiện nay ông Hoàng Văn H đã đưa về nhà chăn thả. Ngay sau đó ông Nông Văn M đã đến nhà ông Hoàng Văn H và yêu cầu gia đình ông Hoàng Văn H trả lại con trâu nhưng gia đình ông Hoàng Văn H không đồng ý trả. Ông Nông Văn M đề nghị giám định gen con đực trâu tranh chấp với con trâu mẹ trong đàn trâu của ông Nông Văn M để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập và Bản án phúc thẩm số 40/DS-PT ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đều giải quyết con Trâu tranh chấp thuộc quyền sở hữu của ông. Ngay từ khi tranh chấp mới xảy ra ngày 11/02/2022 ông đã yêu cầu trả lại trâu, ông không yêu cầu bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn H chặn dất trâu hộ, bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn H cố tình tranh chấp và không chịu trả trâu cho đến ngày Bản án phúc thẩm số 40/DS-PT ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã có hiệu lực pháp luật nhưng bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn H không tự nguyện trả Trâu cho ông. Ngày 25/10/2023 ông đã nộp đơn yêu cầu thi hành án, đến ngày 30 tháng 01 năm 2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập phải trực tiếp đến giao lại con trâu thì bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn H mới chịu giao lại con trâu nhưng không ký biên bản giao nhận, do vậy ông không chấp nhận trả tiền công chặn dất cho bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn H.

Quá trình giải quyết vụ án Ủy ban nhân dân xã B cung cấp thông tin xác định tiền công lao động thuê làm nông nghiệp trên địa bàn xã B, huyện Đ là 150.000 đồng/người/ngày.

Tòa án nhân dân huyện Đình Lập tiến hành xác minh thu thập hồ sơ giải quyết tranh chấp con trâu tại Công an xã B và hồ sơ thi hành án dân sự tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập đối với con trâu do bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn H chặn dất xác định được: Chính ông Hoàng Văn H khai tại biên bản lấy lời khai ngày 23/02/2022 thể hiện gia đình ông Hoàng Văn H có một đàn trâu 06 con, đầu năm 2020 đã bán 05 con, còn 01 con chưa bán do gia đình chưa bắt được và đi theo đàn trâu ông Chu Văn T, đến tháng 01/2022 ông Hoàng Văn H đã đến đồi X bẫy bằng thòng lọng dây thừng bắt được con trâu mang về xỏ múi và chặn dất. Về thời gian phát sinh tranh chấp xác định, ngày 21/02/2022 ông Nông Văn M có đơn trình báo và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã B xem xét giải quyết tranh chấp đòi lại con trâu. Quá trình thi hành án xác định, ngày 30/01/2024 Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập đã tiến hành giao con trâu tranh chấp cho ông Nông Văn M, tại thời điểm Chi Cục Thi hành án dân sự giao trâu, đối chiếu với các chỉ số đo, cân nặng con trâu đã trưởng thành không có gì thay đổi so với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/11/2022 và kết quả định giá tài sản ngày 25/11/2022 xác định con trâu có giá trị 33.275.000 đồng được thể hiện tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập và Bản án phúc thẩm số 40/DS-PT ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng, thu thập tài liệu chứng cứ đúng trình tự thủ tục, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa bà Bé Thị T và ông Nông Văn M đã thực hiện tương đối đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, ông Hoàng Văn H và ông Phạm Duy K được triệu tập hợp lệ vắng mặt lần thứ 2 không có lý do là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, thuộc trường hợp đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H. Viện kiểm sát không có đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá các tình tiết của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các khoản 1, 2 Điều 184; các Điều 574, 575, 576; 583; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bé Thị T; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H. Buộc bị đơn ông Nông Văn M trả cho bà Bé Thị T tiền công chăn dắt trâu với số tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng; về án phí nguyên đơn bà Bé Thị T được miễn án phí, bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn bà Bé Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn H khởi kiện ông Nông Văn M về việc yêu cầu bồi thường tiền công chăm sóc nuôi dưỡng vật nuôi là gia súc, vì vậy khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp bồi thường tiền công chăm sóc nuôi dưỡng vật nuôi là gia súc. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp nghĩa vụ trả tiền công chăm sóc nuôi dưỡng vật nuôi là gia súc. Bị đơn ông Nông Văn M hiện đang cư trú tại Thôn M, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp nghĩa vụ trả tiền công chăm sóc nuôi dưỡng vật nuôi là gia súc.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nông Văn M có gửi đơn đề là đơn phản tố nhưng sau khi xem xét nội dung không thuộc trường hợp phản tố, Tòa án đã thông báo cho ông Nông Văn M biết việc Tòa án không thụ lý nội dung ghi

trong đơn mà chỉ xem xét như ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn. Ngày 12/3/2024 Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa do cần phải tiến hành xác minh thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ mà nếu không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa. Ngày 28/3/2024, Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa nhưng do các nguyên đơn bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn H cùng với người đại diện hợp pháp là ông Phạm Duy K vắng mặt lần đầu không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Việc tạm ngừng phiên tòa và hoãn phiên tòa là đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 227 và 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 04/4/2024 nguyên đơn Hoàng Văn H và người đại diện hợp pháp là ông Phạm Duy K tiếp tục vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, không ủy quyền cho người khác, không có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bé Thị T và căn cứ các Điều 217, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Hoàng Văn H theo quy định.

[3] Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Khoảng tháng 01/2022 ông Hoàng Văn H đã đến đồi X thuộc Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn đặt bẫy bằng thòng lọng dây thừng bắt con trâu của ông Nông Văn M mang về xỏ mũi và chần dất. Ngày 21/02/2022 ông Nông Văn M đã có đơn trình báo và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã B xem xét giải quyết đòi lại con trâu nhưng ông Hoàng Văn H và bà Bé Thị T không đồng ý trả lại và cho rằng con trâu là của mình. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập và Bản án dân sự phúc thẩm số 40/DS-PT ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, buộc gia đình bị đơn ông Hoàng Văn H trả lại con trâu đực cho ông Nông Văn M. Ngày 30/01/2024 Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập đã tiến hành giao con trâu tranh chấp cho ông Nông Văn M. Bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn H khởi kiện yêu cầu trả tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng trâu từ tháng 01/2022 đến ngày 07/8/2023.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bé Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Gia đình bà Bé Thị T có một đàn trâu 06 con, đầu năm 2020 đã bán 05 con, còn 01 chưa bán do gia đình chưa bắt được, con trâu còn lại ông Hoàng Văn H và bà Bé Thị T nghi ngờ đi theo đàn trâu ông Chu Văn T, đến tháng 01/2022 ông Hoàng Văn H đã đến đồi X bẫy bằng thòng lọng dây thừng bắt được con trâu mang về xỏ mũi và chần dất, nuôi dưỡng cho đến ngày giao lại trâu cho ông Nông Văn M. Xuất phát từ tập quán chần thả rông gia súc lên đồi của các đương sự, nên ông Hoàng Văn H đi lên đồi X dùng bẫy thòng lọng dây thừng bắt nhầm con trâu ông Nông Văn M về chần dất, nuôi dưỡng. Tại thời điểm ông Hoàng Văn H lên đồi bẫy trâu và bắt về chần dất, nuôi dưỡng là do ông Hoàng Văn H nhầm tưởng con trâu của mình nên xác định việc bắt trâu về chần dất, nuôi dưỡng là việc thực hiện một trong những quyền của chủ sở hữu đối với tài sản. Từ khi ông Nông Văn M có đơn yêu cầu trả lại trâu ông Hoàng Văn H buộc phải biết việc trước đó lên đồi bẫy trâu về chần dất có thể đã nhầm

lẫn với trâu người khác, sau khi có kết luận giám định gen AND thì buộc ông Hoàng Văn H và bà Bé Thị T phải biết là trâu người khác nhưng không chịu trả lại mà tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trâu cho đến khi Chi cục Thi hành án dân sự đến giao trâu cũng không đồng ý ký biên bản. Như vậy xác định mới đầu ông Hoàng Văn H dùng bẫy thòng lọng bắt trâu về chăm sóc, nuôi dưỡng là ngay tình nhưng không có căn cứ pháp luật, vì qua giám định gen AND xác định không phải trâu của ông Hoàng Văn H và bà Bé Thị T. Từ khi chủ sở hữu đòi lại trâu nhưng không trả, xác định là chiếm hữu bất hợp pháp. Bà Bé Thị T yêu cầu ông Nông Văn M trả tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng trâu tranh chấp thời gian là 01 năm 7 tháng tương đương với 584 ngày, tương ứng với số tiền công là: 584 ngày x 35.000 đồng = 20.440.000 đồng. Ông Hoàng Văn H là người phụ giúp bà Bé Thị T chăm sóc, quản lý trâu từ khi xảy ra tranh chấp nên ông Hoàng Văn H yêu cầu ông Nông Văn M phải trả tiền công phụ giúp chăm sóc, quản lý con trâu với số tiền công tính đến hết ngày 07/8/2023 là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng trâu mà bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn H yêu cầu là 25.440.000 đồng, trong khi đó con trâu của ông Nông Văn M được 7 tuổi đã trưởng thành chỉ có giá trị là 33.275.000 đồng, nếu tính theo ngày chăm sóc, nuôi dưỡng để thanh toán tiền công theo yêu cầu của bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn H là không hợp lý, đồng thời việc chiếm hữu con trâu của ông Hoàng Văn H và bà Bé Thị T phần nhiều là bất hợp pháp nên không được trả tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng và quản lý. Chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện trên cơ sở xét trong tổng giá trị của con trâu để buộc ông Nông Văn M trả cho bà Bé Thị T một khoản tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng con trâu hợp lý, không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bé Thị T.

[5] Ông Hoàng Văn H khởi kiện yêu cầu ông Nông Văn M phải trả tiền công phụ giúp chăn dắt, quản lý con trâu với số tiền công tính đến hết ngày 07/8/2023 là 5.000.000 đồng. Sau khi tạm ngừng phiên tòa, Tòa án đã triệu tập ông Hoàng Văn H và người đại diện hợp pháp là ông Phạm Duy K lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không có lý do, không ủy quyền cho ai khác và không có đơn đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 và điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H, ông Hoàng Văn H có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bé Thị T buộc bị đơn ông Nông Văn M phải trả lại cho nguyên đơn bà Bé Thị T tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng trâu với số tiền 5.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Đối với ý kiến của bị đơn ông Nông Văn M cho rằng việc ông Hoàng Văn H và bà Bé Thị T bẫy trâu ông về chăn dắt là cố ý chiếm đoạt tài sản là không có căn cứ, như đã phân tích tại mục [4] do nhầm lẫn cho rằng là trâu của mình nên ông Hoàng Văn H đã lên đòi bẫy trâu về chăm sóc, nuôi dưỡng, khi đã có yêu cầu trả lại trâu nhưng ông Hoàng Văn H và bà Bé Thị T vẫn có niềm tin là trâu của mình nên không đồng ý trả dẫn đến tranh chấp về con trâu, nguyên nhân dẫn đến việc nhầm lẫn là do tập quán thả rông gia súc lên đòi không trực

tiếp trông coi liên tục, không đưa về chuồng trại để quản lý, trong đó có cả ông Nông Văn M và ông Hoàng Văn H đều thả rông trâu lên đồi, vì vậy không có căn cứ xác định là bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn H cố ý chiếm đoạt tài sản của ông Nông Văn M. Do bà Bé Thị T đã có thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng trâu cho ông Nông Văn M ngay tình nên ông Nông Văn M phải thanh toán tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng trâu trong thời gian chăn dắt ngay tình với số tiền thanh toán hợp lý như đã xác định tại mục [6].

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của bà Bé Thị T chỉ được chấp nhận một phần nên phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, ông Nông Văn M phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà Bé Thị T, cụ thể: Bà Bé Thị T phải chịu 1.022.000 đồng án phí nhưng bà Bé Thị T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí; ông Nông Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí để sung ngân sách Nhà nước.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 184; các Điều 574, 575, 576; 583; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bé Thị T.

Buộc ông Nông Văn M phải trả cho bà Bé Thị T tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng con trâu với số tiền 5.000.000 (năm triệu đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất

phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H đòi ông Nông Văn M trả tiền công phụ giúp chăn dắt, quản lý con trâu với số tiền công tính đến hết ngày 07/8/2023 là 5.000.000 đồng, ông Hoàng Văn H có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định.

3. Về án phí:

Bà Bé Thị T được miễn toàn bộ án phí.

Ông Nông Văn M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự, người đại diện của đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Chung